

## CHI TIẾT CỦA BỘ ĐỀ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Thời gian thi : 60

Số câu hỏi : 119

Môn học : Giáo dục pháp luật TCN 2010

Giáo viên soạn đề : (đã duyệt và ký tên)

Ngày soạn đề : 13/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Trong lịch sử phát triển xã hội loài người đã và đang trải qua những kiểu nhà nước nào?

- A. Nhà nước chủ nô
- B. Nhà nước chủ nô, phong kiến
- C. Nhà nước chủ nô, phong kiến, tư bản
-  D. Nhà nước chủ nô, phong kiến, tư bản, XHCN

Câu 2: Cơ quan nào sau đây không được phép ban hành văn bản Quy phạm pháp luật?

- A. Ủy ban nhân dân
- B. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
-  C. Sở Giáo dục và Đào tạo
- D. Hội đồng nhân dân

Câu 3: Cơ quan nào dưới đây thuộc hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước?

- A. Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp
-  B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Viện kiểm sát nhân dân Quận Phú Nhuận
- D. Sở Tài nguyên – Môi trường

Câu 4: "Nhà nước do thượng đế tạo ra nhằm bảo vệ trật tự chung trong xã hội loài người" là quan điểm của những nhà tư tưởng theo thuyết:

- A. Gia trưởng
- B. Khế ước xã hội
-  C. Thần học
- D. Bạo lực

Câu 5: Thiết lập mối quan hệ bang giao với các quốc gia khác là thể hiện:

- A. Chức năng đối nội
-  B. Chức năng đối ngoại
- C. a và b đều đúng
- D. a và b đều sai

Câu 6: Xã hội nào không tồn tại nhà nước

- A. Xã hội phong kiến
- B. Xã hội tư bản
-  C. Xã hội nguyên thủy

D. Xã hội xã hội chủ nghĩa

Câu 7: Hình thức cộng đồng đầu tiên trong lịch sử xã hội loài người:



A. Thị tộc

B. Bộ lạc

C. Bộ tộc

D. Dân tộc

Câu 8: Trong xã hội có giai cấp, sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác thể hiện ở quyền lực:



A. Quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế, quyền lực tư tưởng

B. Quyền lực kinh tế, quyền lực tư tưởng

C. Quyền lực chính trị, quyền lực công

D. Quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp

Câu 9: Bản chất của Nhà nước gồm có:

A. Bản chất dân chủ và nhân dân



B. Bản chất xã hội và giai cấp

C. Bản chất dân tộc rộng rãi

D. Nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Câu 10: Cơ sở kinh tế của xã hội cộng sản nguyên thủy là:

A. Chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất

B. Chế độ sở hữu chung về sản phẩm lao động

C. Chế độ phân phối chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động



D. Chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động

Câu 11: Bào tộc là một liên minh được hợp lại bởi nhiều:

A. Bộ tộc

B. Bộ lạc



C. Thị tộc

D. Dân tộc

Câu 12: Tổ chức quyền lực cao nhất của thị tộc là:

A. Hội đồng bộ lạc

B. Hội đồng bộ tộc



C. Hội đồng thị tộc

D. Hội đồng bào tộc

Câu 13: Mầm mống của chế độ tư hữu đã xuất hiện sau lần:



A. Phân công lao động đầu tiên

B. Phân công lao động thứ hai

C. Phân công lao động thứ ba

D. a,b,c đều sai

Câu 14: Bộ máy nhà nước nào cũng đều có cơ quan:

- A. Lập pháp
- B. Hành pháp
- C. Tư pháp
-  D. a,b,c đều đúng

Câu 15: Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương là:

- A. Ủy ban nhân dân
-  B. Hội đồng nhân dân
- C. Tòa án nhân dân
- D. Viện kiểm sát nhân dân

Câu 16: Cơ quan thường trực của Quốc hội là:

- A. Chính phủ
-  B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Chủ tịch nước
- D. Bộ Công thương

Câu 17: Chủ tịch nước là chức danh đứng đầu:

- A. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước
- B. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước
-  C. Nhà nước
- D. Hệ thống cơ quan xét xử

Câu 18: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất trong hệ thống cơ quan:

- A. Quyền lực nhà nước
-  B. Quản lý nhà nước
- C. Cơ quan xét xử
- D. Cơ quan kiểm sát

Câu 19: Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước gồm có:

- A. Quốc hội và Ủy ban thường vụ QH
-  B. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp
- C. Tòa án nhân dân tối cao, tòa án nhân dân các cấp và tòa án quân sự các cấp
- D. Quốc hội và Hội đồng nhân dân

Câu 20: Hệ thống cơ quan xét xử gồm có:

- A. Tòa án nhân dân tối cao
- B. Tòa án nhân dân địa phương
- C. Tòa án quân sự và các tòa án khác do luật định
-  D. a, b, c đều đúng

Câu 21: Chức danh Chủ tịch nước do:

- A. Chính phủ bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội
-  B. Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội
- C. Tòa án bầu ra
- D. Viện kiểm sát bầu ra

Câu 22: Ủy ban nhân dân các cấp do:

- A. Chính phủ bầu ra
- B. Quốc hội bầu ra
-  C. Hội đồng nhân dân bầu ra
- D. Các Bộ bầu ra

Câu 23: Tòa án là cơ quan duy nhất có chức năng:

- A. Công tố
- B. Kiểm sát
- C. Truy tố
-  D. Xét xử

Câu 24: Viện kiểm sát là cơ quan có chức năng:

- A. Thực hành quyền công tố
- B. Kiểm sát các hoạt động tư pháp
-  C. a và b đều đúng
- D. a và b đều sai

Câu 25: "Pháp luật là công cụ, phương tiện để tổ chức đời sống xã hội" – là thể hiện bản chất:

- A. Bản chất giai cấp
-  B. Bản chất xã hội
- C. a,b đều đúng
- D. a,b đều sai

Câu 26: Trong xã hội Chiếm hữu nô lệ, bản chất của pháp luật được thể hiện:

- A. Bản chất giai cấp và bản chất xã hội là một
-  B. Bản chất xã hội rõ nét hơn bản chất giai cấp
- C. Bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội
- D. Chỉ tồn tại bản chất giai cấp

Câu 27: "Pháp luật là công cụ hữu hiệu để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị" - là thể hiện bản chất:

-  A. Bản chất giai cấp
- B. Bản chất xã hội
- C. Vừa mang bản chất giai cấp, vừa mang bản chất xã hội
- D. Bản chất xã hội thể hiện rõ nét hơn

Câu 28: Pháp luật có phạm vi tác động rộng lớn cả về không gian và thời gian, nên so với các quy phạm xã hội khác thì:

- A. Pháp luật mang tính quy phạm
- B. Pháp luật mang tính cưỡng chế
-  C. Pháp luật mang tính phổ biến
- D. Pháp luật mang tính hình thức

Câu 29: Khi pháp luật được ban hành thì chủ thể nào phải tuân theo quy định?

- A. Nhà nước
-  B. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong xã hội
- C. Chỉ có công dân Việt Nam mới phải thực hiện
- D. Chỉ có người nước ngoài

Câu 30: Phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội là:

- A. Cảnh sát
- B. Tòa án
-  C. Pháp luật
- D. Nhà tù

Câu 31: Quan hệ pháp luật là những quan hệ nảy sinh trong xã hội được điều chỉnh bởi:

- A. Quy phạm xã hội
-  B. Quy phạm pháp luật
- C. Nhà nước
- D. Quan hệ cộng đồng

Câu 32: Điều kiện cần và đủ để một quan hệ xã hội trở thành quan hệ pháp luật là:

- A. Quy phạm pháp luật và quan hệ xã hội có ý chí
-  B. Quy phạm pháp luật và sự kiện pháp lý
- C. Quy phạm pháp luật và sự biến pháp lý
- D. Quy phạm pháp luật và hành vi

Câu 33: Chủ thể của quan hệ pháp luật là:

- A. Công dân có đủ điều kiện
- B. Tổ chức có đủ điều kiện
-  C. Cá nhân hay tổ chức có đủ điều kiện
- D. Pháp nhân có đủ điều kiện

Câu 34: Cá nhân hay tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật thì cần phải có đủ điều kiện về:

- A. Năng lực pháp luật
- B. Năng lực hành vi
-  C. Năng lực chủ thể
- D. Năng lực chịu trách nhiệm pháp lý

Câu 35: Năng lực của chủ thể bao gồm:

- A. Năng lực pháp luật và khả năng nhận thức
- B. Năng lực hành vi và năng lực chủ thể
-  C. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi
- D. Năng lực nhận thức và năng lực chủ thể

Câu 36: Chức danh nào dưới đây trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội:

- A. Vụ trưởng
- B. Thứ trưởng
- C. Bộ trưởng
-  D. Thủ tướng

Câu 37: Pháp lệnh là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nào sau đây được phép ban hành?

- A. Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
-  C. Ủy ban thường vụ quốc hội
- D. Chính phủ

Câu 38: Về cấu trúc, mỗi quan hệ pháp luật gồm ... thành phần và đó là:....

- A. 2 – chủ thể, khách thể
-  B. 3 – chủ thể, khách thể, nội dung
- C. 3 – chủ thể, khách thể, quyền của chủ thể
- D. 4 – chủ thể, khách thể, quyền của chủ thể, nghĩa vụ pháp lý chủ thể

Câu 39: Công dân A đi khiếu nại, tố cáo song có thể không cần thực hiện hành vi này nếu thấy bất lợi cho mình là thể hiện:

- A. Nghĩa vụ của chủ thể
-  B. Quyền của chủ thể
- C. Năng lực nhân thân của chủ thể
- D. Năng lực kiểm chế của chủ thể

Câu 40: Quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt dưới sự tác động của những điều kiện nào dưới đây? Hãy xác định câu sai:

- A. Sự biến pháp lý
-  B. Sự kiện pháp lý
- C. Năng lực chủ thể
- D. Quy phạm pháp luật

Câu 41: Quan hệ nào dưới đây là quan hệ xã hội:

- A. Doanh nghiệp A đóng thuế thu nhập doanh nghiệp
- B. Nguyễn H lên công an quận để làm chứng minh nhân dân
-  C. A dắt bà C qua đường
- D. C ủy quyền ký kết hợp đồng cho D

Câu 42: Quan hệ nào dưới đây là quan hệ pháp luật hình sự:

- A. A mua tivi ở Siêu thị điện máy
- B. Công an giao thông đang xử lý người vi phạm
-  C. A và B ăn cắp xe gắn máy của D
- D. Công nhân H phải bồi thường thiệt hại

Câu 43: Quan hệ nào dưới đây không là quan hệ pháp luật?

-  A. Anh A và chị B chung sống với nhau như vợ chồng
- B. Hợp tác kinh doanh
- C. Trường M nhận giữ xe của sinh viên G
- D. Bố mẹ để lại căn nhà cho con

Câu 44: Chủ thể đặc biệt khi tham gia vào quan hệ pháp luật là:

- A. Cá nhân
- B. Tổ chức
- C. Pháp nhân
-  D. Nhà nước

Câu 45: Quyết định khen thưởng của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Tp. HCM là:

- A. Văn bản quy phạm pháp luật
- B. Văn bản luật
- C. Văn bản dưới luật
-  D. Không phải là văn bản quy phạm pháp luật

Câu 46: Văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn Pháp lệnh là:

- A. Hiến pháp
- B. Đạo luật, bộ luật
- C. Nghị quyết của Quốc hội
-  D. Thông tư

Câu 47: Yếu tố nào dưới đây không phải là bộ phận của quy phạm pháp luật:

-  A. Chế định
- B. Giả định
- C. Quy định
- D. Chế tài

Câu 48: Công dân A mua bảo hiểm xe mô tô, xe gắn máy là hành vi:

- A. Tuân thủ pháp luật
-  B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật
- D. Áp dụng pháp luật

Câu 49: Mọi doanh nghiệp không lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, truyền nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động của người lao động là hành vi:



- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật
- D. Áp dụng pháp luật

Câu 50: Tòa tuyên án đối với bị đơn C là hành vi:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật



- D. Áp dụng pháp luật

Câu 51: Công dân A khiếu nại về quyết định xử lý vi phạm hành chính của Công an phường 4 là hành vi:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật



- C. Sử dụng pháp luật
- D. Áp dụng pháp luật

Câu 52: Quy phạm pháp luật được áp dụng trong hình thức tuân thủ pháp luật là:



- A. Quy phạm pháp luật cấm đoán
- B. Quy phạm pháp luật tùy nghi
- C. Quy phạm pháp luật cho phép
- D. Quy phạm pháp luật bắt buộc

Câu 53: Hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện nhằm xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ thì được gọi là:



- A. Vi phạm pháp luật
- B. Vi phạm kỷ luật
- C. Vi phạm đến lợi ích của nhà nước
- D. Vi phạm đến quyền của cá nhân, tổ chức trong xã hội

Câu 54: Pháp luật không điều chỉnh yếu tố nào:

- A. Hành vi không làm những việc mà pháp luật buộc phải làm



- B. Ý thức chủ quan
- C. Hành vi đe dọa gây hậu quả cho xã hội
- D. Hành vi đã làm những việc mà pháp luật cấm

Câu 55: Hành vi nào dưới đây là không phải là hành vi trái pháp luật:

- A. Vượt đèn đỏ
- B. Lấn chiếm vỉa hè



- C. Anh chị em ở đời thứ tư kết hôn với nhau
- D. Không giao hàng đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng



Câu 56: Hành vi nào dưới đây là hành vi trái pháp luật nhưng chưa phải là hành vi vi phạm pháp luật:

- A. A xây nhà trái phép
-  B. A và B chờ bà C đi cấp cứu
- C. Bác sĩ đưa nhầm toa thuốc cho bệnh nhân
- D. UBND cấp đất sai đối tượng

Câu 57: Trần B vượt đèn đỏ và bị cảnh sát giao thông lập biên bản. Hành vi của B thuộc loại:

- A. Vi phạm kỷ luật
- B. Vi phạm hình sự
- C. Vi phạm dân sự
-  D. Vi phạm hành chính

Câu 58: "A và B tổ chức mua bán trẻ em đưa sang nước ngoài" đây là hành vi vi phạm vào lĩnh vực:

-  A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm hành chính
- C. Vi phạm dân sự
- D. Vi phạm kỷ luật

Câu 59: Vi phạm pháp luật bao gồm những dấu hiệu nào?

- A. Hành vi xác định của con người
- B. Hành vi xác định của con người, hành vi trái pháp luật
- C. Hành vi xác định của con người, hành vi trái pháp luật, tính có lỗi
-  D. Hành vi xác định của con người, hành vi trái pháp luật, tính có lỗi, năng lực trách nhiệm pháp lý

Câu 60: Lỗi là yếu tố thuộc:

- A. Mặt khách quan
-  B. Mặt chủ quan
- C. Khách thể
- D. Chủ thể

Câu 61: Trách nhiệm pháp lý là một loại quan hệ pháp luật đặc biệt giữa ..... , trong đó chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu những hậu quả bất lợi và những biện pháp cưỡng chế của nhà nước. Hãy điền câu thích hợp vào chỗ trống.

- A. Công an và chủ thể vi phạm pháp luật
- B. Tòa án và chủ thể vi phạm pháp luật
- C. Viện kiểm sát và chủ thể vi phạm pháp luật
-  D. Nhà nước và chủ thể vi phạm pháp luật

Câu 62: A và B đi cướp xe gắn máy của chị C. Vậy A và B phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

-  A. Trách nhiệm pháp lý hình sự
- B. Trách nhiệm pháp lý hành chính
- C. Trách nhiệm pháp lý dân sự
- D. Trách nhiệm pháp lý kỷ luật

Câu 63: Lỗi có mấy hình thức và đó là những hình thức nào?

- A. 2 – lỗi tự tin, lỗi cầu thả
-  B. 2 – lỗi cố ý, lỗi vô ý
- C. 2 – lỗi trực tiếp, lỗi gián tiếp
- D. 1 – lỗi do chủ quan

Câu 64: Hành vi vi phạm nào dưới đây là hành vi không hành động?

-  A. Không bồi thường thiệt hại cho nạn nhân
- B. H cho vay nặng lãi
- C. A làm thất thoát tài sản của công ty
- D. Học sinh C hút thuốc lá trong phòng học

Câu 65: Hành vi vi phạm nào dưới đây là hành vi hành động?

- A. Không mua bảo hiểm xe gắn máy
- B. Không tố giác người phạm tội
-  C. Vu khống người khác
- D. Không đóng thuế

Câu 66: Có mấy loại vi phạm pháp luật và đó là:

- A. 1 – vi phạm hình sự
- B. 2 – vi phạm hình sự, vi phạm hành chính
- C. 3 – vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự
-  D. 4 – vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỷ luật

Câu 67: Có mấy loại trách nhiệm pháp lý và đó là:

- A. 2 – trách nhiệm hình sự, trách nhiệm kỷ luật
- B. 3 – trách nhiệm hình sự, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hành chính
-  C. 4 – trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm kỷ luật
- D. 5 – trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm vật chất

Câu 68: Trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất là:

-  A. Trách nhiệm pháp lý hình sự
- B. Trách nhiệm pháp lý hành chính
- C. Trách nhiệm pháp lý dân sự
- D. Trách nhiệm pháp lý kỷ luật

Câu 69: Chủ thể của vi phạm pháp luật dân sự là:

- A. Cá nhân
- B. Tổ chức
- C. Thể nhân
-  D. a và b đúng

Câu 70: Quy phạm pháp luật được áp dụng trong hình thức sử dụng pháp luật là:

- A. Quy phạm pháp luật cấm đoán
- B. Quy phạm pháp luật tùy nghi
-  C. Quy phạm pháp luật cho phép
- D. Quy phạm pháp luật bắt buộc

Câu 71: Quy phạm pháp luật được áp dụng trong hình thức thi hành pháp luật là:

- A. Quy phạm pháp luật cấm đoán
- B. Quy phạm pháp luật tùy nghi
- C. Quy phạm pháp luật cho phép
-  D. Quy phạm pháp luật bắt buộc

Câu 72: Lỗi vô ý gồm .... loại và đó là:

- A. 1 – vô ý trực tiếp
- B. 1 – vô ý gián tiếp
-  C. 2 – vô ý do tự tin, vô ý do cẩu thả
- D. 2 – vô ý do chủ quan, vô ý do khách quan

Câu 73: Người lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động phải báo trước cho người lao động một thời hạn là bao lâu?

- A. 30 ngày
- B. 35 ngày
- C. 40 ngày
-  D. 45 ngày

Câu 74: Người lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động phải báo trước cho người lao động một thời hạn là bao lâu?

-  A. 30 ngày
- B. 35 ngày
- C. 40 ngày
- D. 45 ngày

Câu 75: Phương pháp điều chỉnh đặc thù của ngành luật lao động là phương pháp nào?

- A. Bình đẳng, thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động
- B. Mệnh lệnh áp dụng trong lĩnh vực tổ chức và quản lý lao động
-  C. Thông qua hoạt động của tổ chức công đoàn
- D. Cả 3 đều sai

Câu 76: Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hay theo một công việc nhất định phải báo cho người lao động biết trước một thời hạn là bao nhiêu?

- A. Ít nhất 45 ngày
- B. Ít nhất 30 ngày
- C. Ít nhất 10 ngày
- D. Ít nhất 03 ngày



Câu 77: Theo quy định tại điều 85 của bộ luật lao động, người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải khi nghỉ không lý do chính đáng bao nhiêu ngày trong một tháng?

- A. 03 ngày
- B. 05 ngày
- C. 07 ngày
- D. 10 ngày



Câu 78: Người lao động có 12 tháng làm việc tại một doanh nghiệp hoặc với một người sử dụng lao động trong điều kiện bình thường thì được nghỉ hàng năm, hưởng nguyên lương bao nhiêu ngày?

- A. 10 ngày
- B. 11 ngày
- C. 12 ngày
- D. 13 ngày



Câu 79: Người lao động làm việc vào ban đêm quy định tại Điều 70 của Bộ luật Lao động, thì được trả thêm ít nhất bằng bao nhiêu phần trăm tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm vào ban ngày?

- A. 20%
- B. 30%
- C. 40%
- D. 50%



Câu 80: Tiền lương là một chế định của ngành luật

- A. Dân sự
- B. Hành chính
- C. Bảo hiểm xã hội
- D. Lao động



Câu 81: Theo quy định của Luật lao động thì có mấy loại hợp đồng lao động bằng văn bản?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm



Câu 82: Bảo hiểm tự nguyện có mấy chế độ?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Sáu



Câu 83: Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là?

- A. Tự nguyện
- B. Thỏa thuận

- C. Bình đẳng  
 D. Cả 3 đều đúng

Câu 84: Hợp đồng lao động được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nào?

- A. Luật dân sự  
 B. Luật lao động  
C. Luật doanh nghiệp  
D. Luật thương mại

Câu 85: Điều 32 Bộ luật Lao động quy định tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc là:

-  A. Ít nhất phải bằng 70% mức lương cấp bậc của công việc đó  
B. Ít nhất phải bằng 60% mức lương cấp bậc của công việc đó  
C. Ít nhất phải bằng 50% mức lương cấp bậc của công việc đó  
D. Ít nhất phải bằng 40% mức lương cấp bậc của công việc đó

Câu 86: Điều 32 Bộ luật Lao động quy định thời gian thử việc là?

- A. Không được quá 90 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao  
 B. Không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao  
C. Không được quá 60 ngày đối với lao động khác  
D. Không được quá 40 ngày đối với lao động khác

Câu 87: Điều 36, 37 Bộ luật lao động quy định: đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi?

- A. Bảo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày  
B. Do ốm đau, đã điều trị 06 tháng nhưng chưa khỏi  
C. Do tai nạn, đã điều trị 06 tháng nhưng chưa khỏi  
 D. Cả 3 đều đúng

Câu 88: Theo quy định của Bộ luật lao động thì người lao động được nghỉ bao nhiêu ngày lễ, tết trong năm?

- A. Tám ngày  
 B. Chín ngày  
C. Mười ngày  
D. Nhà nước sẽ quy định số ngày nghỉ cụ thể cho năm đó

Câu 89: Khi nghiên cứu về quyền của người sử dụng lao động thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Được tuyển chọn người lao động, bố trí công việc theo quy định của pháp luật  
B. Được khen thưởng, xử lý người lao động vi phạm kỷ luật theo quy định của pháp luật  
 C. Được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong mọi trường hợp  
D. Được cử đại diện để ký kết thỏa ước lao động tập thể

Câu 90: Người lao động có nghĩa vụ?

-  A. Chấp hành đúng quy định về an toàn lao động  
B. Hoàn thành những công việc được giao trong mọi trường hợp

- C. Tuân theo sự điều động của người sử dụng lao động trong mọi trường hợp
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 91: Người sử dụng lao động có nghĩa vụ?

- A. Thực hiện đúng hợp đồng lao động
- B. Bảo đảm an toàn lao động cho người lao động
- C. Tôn trọng nhân phẩm của người lao động
-  D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 92: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là loại hợp đồng gì?

- A. Không bao giờ chấm dứt
-  B. Không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt
- C. Có thời hạn trên 5 năm
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 93: Thời gian thử việc đối với người lao động ký hợp đồng lao động không cần chuyên môn kỹ thuật cao – lao động khác là bao nhiêu ngày?

- A. Không quá 10 ngày
-  B. Không quá 30 ngày
- C. Không quá 45 ngày
- D. Không quá 60 ngày

Câu 94: Tiền lương làm thêm giờ vào ngày thường được trả ít nhất bao nhiêu phần trăm so với mức lương của ngày hôm đó?

- A. 100%
-  B. 150%
- C. 200%
- D. 300%

Câu 95: Tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ tuần được trả ít nhất bao nhiêu phần trăm so với mức lương của ngày hôm đó?

- A. 100%
- B. 150%
-  C. 200%
- D. 300%

Câu 96: Tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ lễ được trả ít nhất bao nhiêu phần trăm so với mức lương của ngày hôm đó?

- A. 100%
- B. 150%
- C. 200%
-  D. 300%

Câu 97: Điều 69 Bộ luật lao động quy định người sử dụng lao động và người lao động được thỏa thuận giờ làm thêm trong ngày nhưng không quá bao nhiêu giờ?

- A. Không quá 3 giờ

-  B. Không quá 4 giờ
- C. Không quá 5 giờ
- D. Không quá 6 giờ

Câu 98: Điều 6 Luật dạy nghề quy định có mấy trình độ đào tạo nghề?

- A. Hai
-  B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 99: Điều 35 Luật dạy nghề quy định hợp đồng dạy nghề là:

-  A. Hợp đồng dạy nghề là sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ giữa cơ sở dạy nghề với người học nghề
- B. Hợp đồng dạy nghề chỉ được giao kết bằng văn bản
- C. Hợp đồng dạy nghề không được giao kết bằng lời nói
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 100: Điều 37 Luật dạy nghề quy định chấm dứt hợp đồng dạy và học nghề. Chọn câu sai

-  A. Khi người học nghề đơn phương chấm dứt hợp đồng học nghề thì sẽ không được trả lại học phí trong mọi trường hợp
- B. Cơ sở dạy nghề đơn phương chấm dứt hợp đồng học nghề thì phải báo cho người học nghề biết trước ít nhất ba ngày
- C. Trường hợp doanh nghiệp tuyển người vào học nghề để làm việc cho doanh nghiệp, nếu người học nghề không làm việc theo cam kết thì phải bồi hoàn chi phí dạy nghề.
- D. Cơ sở dạy nghề đơn phương chấm dứt hợp đồng học nghề thì phải trả lại toàn bộ học phí đã thu, trừ những sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự.

Câu 101: Quy chế tuyển sinh học nghề do ai quy định?

- A. Thủ tướng chính phủ
- B. Thủ trưởng đơn vị, cơ quan tuyển sinh
-  C. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 102: Mục tiêu dạy nghề được quy định tại Điều 4 Luật dạy nghề như thế nào?

- A. Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo.
- B. Tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm
- C. Đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa
-  D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 103: Hệ thống giáo dục dạy nghề bao gồm?

- A. Dạy nghề chính quy và dạy nghề bổ túc
- B. Dạy nghề chính quy và dạy nghề phổ cập
-  C. Dạy nghề chính quy và dạy nghề thường xuyên
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 104: Một trong những quyền của người học nghề được quy định tại điều 86 Luật dạy nghề quy định:

- A. Được nghỉ học bất cứ lúc nào
-  B. Được học trước tuổi, học vượt, học rút ngắn
- C. Được tham gia các hoạt động xã hội
- D. Cả 3 đáp trên đều đúng

Câu 105: Các trình độ đào tạo nghề, bao gồm:

- A. Sơ cấp
- B. Trung cấp
- C. Cao đẳng nghề
-  D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 106: Điều 4 Luật dạy nghề quy định về mục tiêu dạy nghề là?

- A. Đào tạo nhân lực kỹ thuật cao, nhằm phục vụ cho sản xuất, dịch vụ
-  B. Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất dịch vụ
- C. Tạo cho người học nghề có thu nhập cao để bảo đảm cho cuộc sống của mình
- D. Tạo cho người học nghề có khả năng làm được mọi công việc theo yêu cầu

Câu 107: Điều 34 Luật dạy nghề quy định về tuyển sinh học nghề là?

- A. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức thi tuyển
-  B. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức xét tuyển
- C. Tuyển sinh học nghề chỉ được tuyển một lần trong năm
- D. Tuyển sinh cao đẳng nghề chỉ được thực hiện theo hình thức thi tuyển

Câu 108: Điều 35 Luật dạy nghề quy định về hợp đồng dạy nghề?

-  A. Là sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ giữa cơ sở dạy nghề với người học nghề
- B. Chỉ được giao kết bằng văn bản
- C. Không được giao kết bằng lời nói
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 109: Nhiệm vụ của người học nghề?

-  A. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường
- B. Được hưởng chính sách ưu tiên của nhà nước theo quy định của pháp luật
- C. Được nhà trường và cơ sở giáo dục tôn trọng và đối xử bình đẳng
- D. Được cấp văn bằng chứng chỉ khi có đủ điều kiện

Câu 110: Chọn đáp án sai về quyền của người học nghề?

- A. Được học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định
- B. Được học kéo dài thời gian
-  C. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường
- D. Được trang bị các thiết bị, phương tiện học tập

Câu 111: Chọn đáp án sai về nhiệm vụ của người học nghề?

- A. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường



- B. Đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập
- C. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường
-  D. Được nhà trường và cơ sở giáo dục tôn trọng và đối xử bình đẳng

Câu 112: Phạm vi điều chỉnh của Luật dạy nghề được quy định tại Điều 1 như thế nào?

- A. Quy định về tổ chức, hoạt động của cơ sở dạy nghề
- B. Quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia vào hoạt động dạy nghề
- C. Quy định về quyền và nghĩa vụ của cá nhân tham gia vào hoạt động dạy nghề
-  D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 113: Cơ sở dạy nghề bao gồm các loại hình?

- A. Trung tâm dạy nghề
- B. Trường trung cấp nghề
- C. Trường cao đẳng nghề
-  D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 114: Hợp đồng nghề phải được giao kết bằng văn bản trong trường hợp nào?

- A. Truyền nghề
- B. Kèm cặp nghề tại doanh nghiệp
-  C. Học nghề tại cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài
- D. Dạy nghề

Câu 115: Hợp đồng nghề có thể được giao kết bằng lời nói trong trường hợp nào?

- A. Học nghề tại cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài
- B. Doanh nghiệp tuyển người vào học nghề để làm việc tại doanh nghiệp
-  C. Kèm cặp nghề tại doanh nghiệp
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 116: Theo quy định, cơ sở dạy nghề khi đơn phương chấm dứt hợp đồng học nghề thì phải báo trước cho người học nghề bao nhiêu ngày?

-  A. Trước ít nhất 3 ngày làm việc
- B. Trước ít nhất 5 ngày làm việc
- C. Trước ít nhất 7 ngày làm việc
- D. Trước ít nhất 01 tháng làm việc

Câu 117: Điều 18 Luật dạy nghề quy định về thời gian học nghề trình độ trung cấp?

- A. Được thực hiện từ một đến hai năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
- B. Được thực hiện từ một đến ba năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
- C. Từ ba đến bốn năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.
-  D. Cả a và c đều đúng

Câu 118: Điều 25 Luật dạy nghề quy định về thời gian học nghề trình độ cao đẳng?

- A. Được thực hiện từ một đến ba năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông

- B. Được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
- C. Từ một đến hai năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề cùng ngành nghề đào tạo
-  D. Cả b và c đều đúng

Câu 119: Điều 29 Luật dạy nghề quy định về cơ sở đào tạo nghề cao đẳng, thì đáp án nào sau đây là sai:

-  A. Trung tâm dạy nghề
- B. Trường cao đẳng nghề
- C. Trường cao đẳng có đăng ký dạy nghề trình độ cao đẳng
- D. Trường đại học có đăng ký dạy nghề trình độ cao đẳng